

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2018.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Xuân

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1973, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Th, sinh năm: 1980, vắng mặt.

Cùng trú tại: ấp 1, xã H, huyện X, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Th tự nguyện chung sống với nhau năm 1998 và đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Đây là kết hôn lần đầu của anh chị. Năm 2009 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay, trong thời gian không chung sống với nhau, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay anh B không còn tình cảm với chị Th nên yêu cầu ly hôn với chị Th.

Anh và chị Th có 03 con chung là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 21/3/1998, Nguyễn Thanh Thùy D, sinh ngày 14/5/2000 và Nguyễn Thanh Trường A, sinh ngày 18/10/2007. Hiện nay các con chung đang do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh giao hai cháu D và cháu A cho chị Th nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu, anh cấp dưỡng nuôi con cho chị Th để nuôi hai cháu, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng, hai cháu 2.000.000 đồng/ tháng, còn cháu M đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có

Bị đơn chị Huỳnh Thị Th trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh B về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, tài sản chung. Tuy nhiên, theo chị nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, anh B có người phụ nữ khác. Hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay chị không còn tình cảm gì với anh B, tuy nhiên do chị theo đạo Thiên chúa giáo không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: chị thống nhất với lời trình bày của anh B. Chị yêu cầu nuôi hai cháu D và A, còn cháu M đủ 18 tuổi chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 cháu D và A cho chị mỗi tháng là 2000.000 đồng, mỗi cháu là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Th. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh B và chị Th là giao 02 cháu D và A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con cho chị Th mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Cháu M đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Thanh B và chị Huỳnh Thị Th có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Đ. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự thì thấy, anh B và chị Th đều thừa nhận hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, từ khi ly thân không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa và cả hai đều không còn tình cảm với nhau. Tuy chị Th không đồng ý ly hôn, không phải do chị còn thương yêu anh B mà do chị Th theo đạo Thiên chúa giáo nên không được phép ly hôn nhưng thực tế là chị không còn tình cảm gì với anh B. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh B và chị Th thỏa thuận giao 02 cháu D và A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác hai cháu D và A đều có nguyện vọng sống với mẹ nên giao hai Cháu D và A cho chị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Cháu Nguyễn Thanh M đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Huỳnh Thị Th mỗi tháng cho hai cháu D và A là 2.000.000 đồng, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: không giải quyết

[6] Về án phí: anh B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 và khoản 2 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Th

2. Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Thanh Thùy D, sinh ngày 14/5/2000 và Nguyễn Thanh Trường A, sinh ngày 18/10/2007 cho chị Huỳnh Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con cho chị Huỳnh Thị Th mỗi tháng cho hai cháu là 2.000.000 đồng, mỗi cháu là 1000.000 đồng cho đến khi cháu D và cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Chị Huỳnh Thị Th trực tiếp nuôi con nhưng không được cản trở việc anh B trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi cần thiết, chị Th và anh B được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với việc ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu số 000330 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ thành tiền án phí.

Anh Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

